

THUẾ TỈNH BẮC NINH
THUẾ CƠ SỞ 4 TỈNH BẮC NINHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: LTB2622111-TK0012127/TB-TCS4

Lục Nam,

THÔNG BÁO NỘP TIỀN
Về tiền sử dụng đất

Thông báo lần đầu

Thông báo điều chỉnh, bổ sung

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ pháp luật về tiền sử dụng đất và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ hồ sơ và Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số: 202/KT Kép ngày 24 tháng 04 năm 2026 của xã Kép; số liệu xác định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư hoặc số tiền thuê đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp (nếu có).

Thuế cơ sở 4 tỉnh Bắc Ninh xác định và thông báo tiền sử dụng đất phải nộp như sau:

I. THÔNG TIN NGƯỜI NỘP THUẾ

- Tên người sử dụng đất: **Lưu Thị Nhuận**
- Mã số thuế: **034151007049**
- Địa chỉ: **thôn Kép 11**
- Số điện thoại: Email:
- Tên đại lý thuế hoặc người được ủy quyền (nếu có):
- Mã số thuế:
- Địa chỉ:

II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT

- Thửa đất số: **64** Tờ bản đồ số: **307**
- Địa chỉ: **Thôn Kép 11, Xã Kép, tỉnh Bắc Ninh, Xã Kép, Tỉnh Bắc Ninh**
- Số nhà: Tòa nhà:
Ngõ/hẻm:
Đường/phố:
Thôn/xóm/ấp:
- Phường/xã: **Xã Kép**
- Quận/huyện:
- Tỉnh/thành phố: **Tỉnh Bắc Ninh**
- Vị trí theo Bảng giá đất:
 - Đường/đoạn đường/khu vực:
- Quốc lộ 1A - Đường Đặng Thê Công/Đoạn từ đường Gom vào khu đồi Lương đến giáp xã Lạng Giang - Xã Kép/Xã Kép
 - Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...): **Vị trí 1; Vị trí 1**
- Mục đích sử dụng đất: **Đất ở tại nông thôn; Đất trồng cây lâu năm**
- Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:
- Nguồn gốc đất (Nhà nước giao/chuyển từ thuê sang giao...): **Đất được Nhà nước giao, cho thuê**
- Thời hạn sử dụng đất:
 - Ổn định lâu dài:
 - Có thời hạn: ... năm Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...

7.3. Gia hạn: ... năm Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...

8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:

9. Diện tích thửa đất (m²): 120; 928,2

10. Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất (m²): 120; 928,2

10.1. Đất ở (m²): 120

10.1.1. Trong hạn mức giao đất ở (m²): 120

10.1.2. Ngoài hạn mức giao đất ở (m²): 0

10.2. Đất nghĩa trang, nghĩa địa (m²):

10.3. Trường hợp khác (m²): 928,2

11. Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (m²): 0; 0

12. Hình thức sử dụng đất:

Cấp Giấy chứng nhận đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất mà không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 138 Luật Đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 nay được cấp Giấy chứng nhận vào mục đích đất ở theo quy định tại khoản 3 Điều 138 Luật Đất đai

13. Giá đất tính tiền sử dụng đất (đồng/m²): 12.600.000; 70.000

III. TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Giá của loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng:

2. Giá của loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng: 12.600.000; 70.000

3. Người sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất theo mức:

3.1. Chênh lệch giữa tiền sử dụng đất của 2 loại đất khi chuyển mục đích:

3.2. Bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất của 2 loại đất:

3.3. Bằng 20% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:

3.4. Bằng 30% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:

3.5. Bằng 40% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:

3.6. Bằng 50% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:

3.7. Bằng 60% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:

3.8. Bằng 70% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:

3.9. Bằng 100% tiền sử dụng đất:

3.10. Trường hợp khác:

4. Tổng số tiền phải nộp: 302,400,000 đồng, trong đó:

4.1. Tiền sử dụng đất phải nộp: 302,400,000 đồng

4.2. Số tiền người sử dụng đất phải nộp bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai năm 2024, khoản 1 Điều 9, khoản 1, khoản 2 Điều 50 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ và điểm c khoản 5 Điều 1 Nghị định này (nếu có): 0 đồng

4.3. Số tiền người sử dụng đất phải nộp bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 81 Luật Đất đai năm 2024, Điều 15 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ (nếu có): 0 đồng

4.4. Khoản tiền phải nộp bổ sung khác (nếu có): 0 đồng

5. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các khoản giảm trừ khác (nếu có):

5.1 Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoàn trả cho ngân sách nhà nước được trừ vào tiền sử dụng đất:

5.2. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tự nguyện ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất:

5.2.1. Phân bổ được trừ:

5.2.2. Không được trừ tính vào chi phí đầu tư của dự án :

5.3. Các khoản giảm trừ khác:

6. Giảm tiền sử dụng đất (nếu có):

6.1. Lý do giảm:

6.2. Thời gian giảm:

6.3. Số tiền giảm: **0 đồng**

7. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước [(7) = (4) – (5.1) – (5.2.1) – (5.3) – (6.3)]:

302,400,000 đồng

(Viết bằng chữ: Ba trăm lẻ hai triệu bốn trăm ngàn đồng)

8. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là ngày 03/06/2026.

IV. THÔNG TIN NỘP NGÂN SÁCH (Người nộp thuế, ngân hàng, kho bạc nhà nước phải ghi đầy đủ các thông tin dưới đây trên chứng từ nộp tiền khi nộp tiền vào ngân sách nhà nước)

1. Tên người nộp thuế: **Lưu Thị Nhuận**

2. Mã số thuế: **034151007049**

3. Tài khoản thu ngân sách nhà nước của kho bạc nhà nước: KBNN khu vực VI - Phòng Kế toán Nhà nước mở tại ngân hàng:

Ngân hàng VietinBank CN Bắc Giang; Ngân hàng BIDV- CN Bắc Giang; Ngân hàng TMCP Lọc Phát VN; Ngân Hàng Vietcombank ; Ngân hàng Agribank ; KBNN Khu vực VI..

4. Tên cơ quan quản lý thu: Xã Kép - Thuế cơ sở 4 tỉnh Bắc Ninh, Mã cơ quan quản lý thu: 1139701

5. Tên chương: Hộ gia đình, cá nhân, Mã chương: 857

6. Tên nội dung kinh tế (Tiểu mục):

Mã tiểu mục	Tên tiểu mục	Số tiền (đồng)	Hạn nộp
1401	Đất được nhà nước giao	302,400,000	03/06/2026

7. Tên địa bàn hành chính: Xã Kép, Mã địa bàn hành chính: 07399

8. Mã định danh hồ sơ (nếu có): LTB2622111-TK0012127

Trường hợp người nộp thuế chậm nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước sau thời hạn nộp theo thông báo này (trừ trường hợp được ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định) thì ngoài số tiền sử dụng đất phải nộp, người nộp thuế phải tự xác định số tiền chậm nộp (= số ngày chậm nộp x 0,03%/ngày); nộp đầy đủ tiền sử dụng đất phải nộp và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Thuế cơ sở 4 tỉnh Bắc Ninh theo số điện thoại: 0204 3884228, địa chỉ: Số 185 Thanh Xuân- Xã Lục Nam- Tỉnh Bắc Ninh để được hướng dẫn cụ thể.

Thuế cơ sở 4 tỉnh Bắc Ninh thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lưu Thị Nhuận;
- xã Kép;
- Kho bạc nhà nước Khu Vực VI, Phòng Kinh tế, Chi nhánh VP ĐKĐĐ Liên xã Lạng Giang.;
- Lưu: VT, TTTBTK.

**KT. TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ
PHÓ TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ**

Trịnh Duy Sơn